

IBBS VÒNG II

Giám sát Kết hợp
Hành vi và Các chỉ số
Sinh học HIV/STI

Tóm lược kết quả tại
TP. HỒ CHÍ MINH

Chương trình giám sát kết hợp hành vi và các chỉ số sinh học HIV/STI (IBBS) tại Việt Nam được thiết kế nhằm ước tính và theo dõi sự thay đổi về chiều hướng hiện nhiễm HIV, các nhiễm trùng lây truyền qua đường tình dục (STI), các hành vi nguy cơ và mức độ tiếp cận các chương trình can thiệp trong các nhóm quần thể nguy cơ cao nhiễm HIV. Đây là một trong những tài liệu nằm trong bộ báo cáo tóm tắt của IBBS. Giám sát được thực hiện qua hai vòng, vòng I vào năm 2006 và vòng II vào năm 2009.



Thành phố Hồ Chí Minh có tỷ lệ hiện nhiễm HIV cao hơn vào năm 2009

Tỷ lệ hiện nhiễm HIV vào năm 2009 trong tất cả các nhóm quần thể nguy cơ cao tại thành phố Hồ Chí Minh (Tp. HCM) đều tăng lên so với năm 2006. Nhóm tiêm chích ma túy (TCMT) có tỷ lệ hiện nhiễm cao nhất ở mức 46.1% năm 2009. Tỷ lệ hiện nhiễm trong nhóm phụ nữ mại dâm nhà hàng (MDNH) tăng gần gấp ba lần, từ 6.0% năm 2006 lên 16.1% năm 2009. Tỷ lệ hiện nhiễm trong nhóm nam quan hệ tình dục đồng giới (MSM) không bán dâm cũng tăng hơn hai lần (Biểu đồ 1).

Tỷ lệ hiện nhiễm HIV trong nhóm bắt đầu tiêm chích ma túy dưới một năm tại Tp.HCM giảm từ 28% xuống còn 4.5%. Một khả năng giải thích cho sự gia tăng đáng kể tỷ lệ nhiễm HIV trong nhóm TCMT tại Tp. HCM là việc 35,000 người TCMT được tái hòa nhập cộng đồng từ các cơ sở điều trị nghiện (còn gọi là trung tâm 06) trong giai đoạn 2006 - 2009 và 50% trong số này đã nhiễm HIV.

Hành vi sử dụng bao cao su thường xuyên giảm đột biến trong nhóm phụ nữ mại dâm

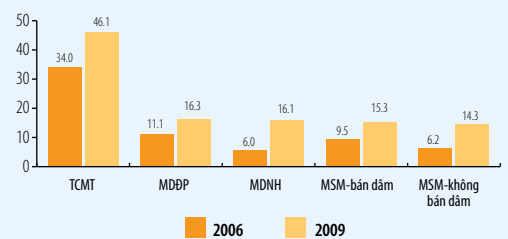
Tỷ lệ sử dụng bao cao su (BCS) trong nhóm phụ nữ mại dâm (PNMD) năm 2009 thấp hơn so với năm 2006. Hơn một nửa số PNMD tại Tp. HCM có quan hệ tình dục (QHTD) không bảo vệ với khách hàng và bạn tình, cho thấy sự gia tăng từ năm 2006 (Biểu đồ 2). Kết quả IBBS vòng II cho thấy tỷ lệ PNMD báo cáo có hành vi tiêm chích ma túy năm 2009 cũng cao hơn năm 2006. Tỷ lệ tiêm chích ma túy ở nhóm mại dâm đường phố (MDĐP) tăng từ 5.0% năm 2006 lên 12.8% năm 2009 (Biểu đồ 2). Nhóm MDNH ở Tp. HCM có tỷ lệ tiêm chích ma túy cao nhất trong các tỉnh thành nghiên cứu, ở mức 7.9% trong năm 2009.

Xét nghiệm HIV tăng không đồng đều giữa các nhóm quần thể nguy cơ

Tỷ lệ người TCMT, MDĐP và MDNH đã từng xét nghiệm HIV và biết tình trạng HIV của bản thân năm được báo cáo trong năm 2009 cao hơn so với năm 2006; tuy nhiên, nhóm MSM lại có kết quả ngược lại (Biểu đồ 3).

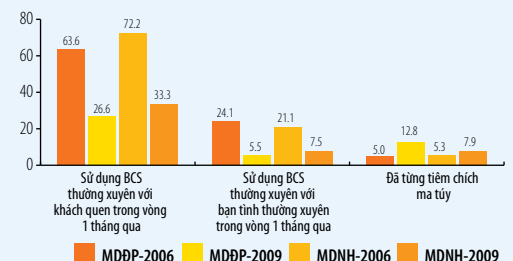
Biểu đồ 1:

Tỷ lệ nhiễm HIV trong các nhóm quần thể nghiên cứu tại TP. HCM, IBBS 2006-2009



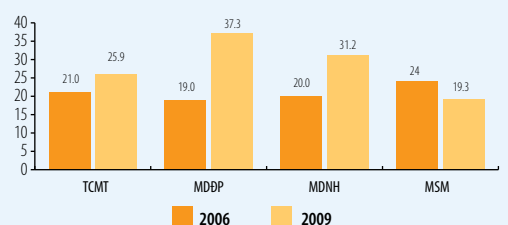
Biểu đồ 2:

Hành vi nguy cơ trong nhóm PNMD tại TP. HCM, IBBS 2006-2009



Biểu đồ 3:

Tỷ lệ đã từng xét nghiệm HIV và biết kết quả xét nghiệm trong các nhóm quần thể nghiên cứu tại TP. HCM, IBBS 2006-2009



IBBS là sáng kiến được thực hiện bởi các cơ quan dưới đây:

Viện Vệ sinh Dịch tễ Trung Ương (NIHE) | Cục Phòng chống HIV/AIDS (VAAC) | FHI 360 | Văn phòng Liên hợp quốc Phòng chống Ma túy và Tội phạm (UNODC) | Cơ quan Hợp tác và Phát triển Quốc tế Hoa Kỳ (USAID) | Trung tâm Dự phòng và Kiểm soát Bệnh tật Hoa Kỳ (CDC).

Ấn phẩm IBBS được xuất bản với sự hỗ trợ từ nhân dân Mỹ thông qua Cơ quan Hợp tác và Phát triển Quốc tế Hoa Kỳ (USAID) và Trung tâm Dự phòng và Kiểm soát Bệnh tật Hoa Kỳ (CDC), các tác giả chịu trách nhiệm hoàn toàn về nội dung và nội dung này không nhất thiết phản ánh quan điểm của USAID, CDC hay Chính phủ Hoa Kỳ.



Tóm lược kết quả tại
TP. HỒ CHÍ MINH

Chương trình giám sát kết hợp hành vi và các chỉ số sinh học HIV/STI (IBBS) được thực hiện tại Tp. HCM vào năm 2006 và 2009. Người tham gia nghiên cứu được lựa chọn thông qua phương pháp chọn mẫu dây chuyền có kiểm soát đối với nhóm tiêm chích ma túy và nam quan hệ tình dục đồng giới, và phương pháp chọn mẫu cụm thời gian đối với nhóm phụ nữ mại dâm.

Các chỉ số chính	2006 (%)		2009 (%)	
Nhóm tiêm chích ma túy	(n= 296)		(n= 310)	
Tỷ lệ hiện nhiễm HIV	34.0%		46.1%	
Tỷ lệ hiện nhiễm Giang mai	2.4%		0.6%	
Tỷ lệ sử dụng chung bơm kim tiêm trong 6 tháng qua	36.8%		24.6%	
Tỷ lệ tiếp cận bơm kim tiêm sạch miễn phí trong 6 tháng qua	35.2%		10.7% (n= 308)	
Tỷ lệ sử dụng bao cao su thường xuyên với PNMD trong 12 tháng qua	45.2% (n= 92)		39.3% (n= 56)	
Tỷ lệ sử dụng bao cao su thường xuyên với bạn tình thường xuyên trong 12 tháng qua	35.9% (n= 135)		15.2% (n= 138)	
Tỷ lệ tiếp cận bao cao su miễn phí/giá rẻ trong 6 tháng qua	29.1% (n= 202)		9.2% (n= 184)	
Tỷ lệ xét nghiệm HIV tại Trung tâm Tư vấn và Xét nghiệm Tự nguyện (VCT) và nhận kết quả trong 12 tháng qua	11.5%		12.3% (n= 309)	
Nhóm phụ nữ mại dâm	VSW (n= 302)	SSW (n= 298)	VSW (n=304)	SSW (n= 300)
Tỷ lệ hiện nhiễm HIV	6.0%	11.1%	16.1%	16.3% (n= 299)
Tỷ lệ hiện nhiễm Giang mai	7.3%	9.1%	1.3%	4.4% (n= 299)
Tỷ lệ hiện nhiễm Lậu	2.7%	0.3%	1.2%	3.3% (n= 299)
Tỷ lệ hiện nhiễm Chlamydia	14.2	6.4	10.9%	10.7%
Tỷ lệ sử dụng bao cao su thường xuyên với khách lạ trong 1 tháng qua	81.3% (n= 256)	68.9% (n= 244)	41.7% (n= 216)	31.3% (n= 272)
Tỷ lệ sử dụng bao cao su thường xuyên với khách quen trong 1 tháng qua	72.2% (n= 255)	63.6% (n= 242)	33.3% (n= 279)	26.6% (n= 247)
Tỷ lệ sử dụng bao cao su thường xuyên với bạn tình thường xuyên trong 1 tháng qua	21.1% (n= 114)	24.1% (n= 116)	7.5% (n= 145)	5.5% (n= 108)
Tỷ lệ tự báo cáo có tiêm chích ma túy	5.3%	5.0%	7.9%	12.8%
Tỷ lệ tiếp cận bao cao su miễn phí/giá rẻ trong 6 tháng qua	63.3%	70.8%	36.2%	55.3%
Tỷ lệ xét nghiệm HIV tại Trung tâm Tư vấn và Xét nghiệm Tự nguyện (VCT) và nhận kết quả trong 12 tháng qua	2.7%	1.7%	11.5%	17.1%
Nhóm nam quan hệ tình dục đồng giới (MSM)	n= 393		Bán dâm (n= 209)	Không bán dâm (n= 190)
Tỷ lệ hiện nhiễm HIV	5.3%		15.3%	14.3% (n= 189)
Tỷ lệ hiện nhiễm Giang mai	1.7%		1.9%	3.7% (n= 189)
Tỷ lệ hiện nhiễm Lậu				
	Sinh dục	1.7%	2.9%	2.6%
	Trực tràng	6.7%	7.2%	7.4%
Tỷ lệ hiện nhiễm Chlamydia				
	Sinh dục	5.0%	8.1%	5.8%
	Trực tràng	3.8%	7.2%	4.2%
Tỷ lệ sử dụng bao cao su thường xuyên với khách hàng trong 1 tháng qua	50.6% (n= 143)		24.2% (n= 149)	0%
Tỷ lệ sử dụng bao cao su thường xuyên với bạn tình tự nguyện nam trong 1 tháng qua	37.2% (n= 261)		21.4% (n= 56)	35.4% (n= 96)
Tỷ lệ tự báo cáo có tiêm chích ma túy	3.8%		8.1%	7.9%
Tỷ lệ tiếp cận bao cao su miễn phí/giá rẻ trong 6 tháng qua	37.0%		45.9%	47.9%
Tỷ lệ xét nghiệm HIV tại Trung tâm Tư vấn và Xét nghiệm Tự nguyện (VCT) và nhận kết quả trong 12 tháng qua	2.8%		18.5% (n= 399)	

IBBS Vòng II: Giám sát Kết hợp Hành vi và Các chỉ số Sinh học HIV/STI